

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 355/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26/12/2024

V/v tranh chấp "Ly hôn và nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Bích Thiên**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Huỳnh Thị Phụng**

2. Bà **Lê Thị Gấm**

Thư ký phiên tòa: Bà **Trịnh Hồ Hải Hương** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Ngọc Tuyền** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 226/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp "Ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 276/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 313/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phan Thị Kim T** (V), sinh năm 1979. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã PT, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh **Đinh Thế V**, sinh năm 1978. (vắng mặt không lý do)

Địa chỉ: Ấp N, xã PT, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn xin ly hôn ngày 19/8/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phan Thị Kim T trình bày:**

- Về hôn nhân: Chị và anh V tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới vào năm 1999 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường S (nay là phường TN), thành phố VT, tỉnh BR vào năm 2001. Sau khi cưới, vợ chồng chị sống với gia đình chồng tại thành phố VT, tỉnh BR và chuyển về sinh sống tại ấp N, xã PT, huyện G, tỉnh Tiền Giang khoảng 05 năm nay. Cuộc sống chung hạnh phúc đến khoảng năm 2004 thì vợ chồng chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh V thường xuyên ăn nhậu gây nợ và có quan hệ tình cảm với nhiều người phụ nữ khác, anh V không còn tôn trọng chị, chửi

mắng và xúc phạm chị mỗi khi anh V say rượu. Mâu thuẫn kéo dài và ngày càng trầm trọng, kể từ tháng 3/2024 anh chị đã không còn chung sống với nhau nên chị yêu cầu được ly hôn với anh V.

- Về nuôi con chung: Vợ chồng chị chung sống có 02 người con chung tên Đinh Nhật Q, sinh năm xxxx và Đinh Ngọc H, sinh ngày xx/xx/xxxx hiện sống cùng chị. Ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H và chị không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Đối với Đinh Nhật Q hiện đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Đinh Thế V không đến Tòa án theo giấy triệu tập, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn và nuôi con chung của nguyên đơn dù anh đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật.*

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Thị Kim T, cho chị T được ly hôn với anh Đinh Thế V. Về nuôi con chung: Giao cháu Đinh Ngọc H, sinh ngày xx/xx/xxxx cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Anh V được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở. Đối với con chung tên Đinh Nhật Q, sinh năm xxxx hiện đã trưởng thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp “Ly hôn và nuôi con chung” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt không lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị T, nhận thấy:

Anh V và chị T tổ chức cưới vào năm 1999, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường S (nay là phường TN), thành phố VT, tỉnh BR theo Giấy chứng nhận kết hôn số 29 ngày 18/4/2001 nên là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, theo lời trình bày của chị T và kết quả xác minh: Cuộc sống chung của vợ chồng chị hạnh phúc đến năm 2004 thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh V không còn tôn trọng chị, xúc phạm chị mỗi khi anh V say rượu và còn có quan

hệ tình cảm với nhiều người phụ nữ khác; mâu thuẫn kéo dài và ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng rạn nứt và từ năm 2024 thì anh chị không còn chung sống. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập anh V nhưng anh không đến Tòa án, không gửi văn bản trình bày ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của chị T. Đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự xem như anh V mặc nhiên thừa nhận những mâu thuẫn vợ chồng mà chị T đã nêu và cho thấy anh cũng không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này cho thấy hôn nhân của anh chị đã không còn hạnh phúc nên cần chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị được ly hôn với anh V là cần thiết và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về nuôi con chung: Chị T và anh V chung sống có 02 người con chung tên Đinh Nhật Q, sinh năm xxxx và Đinh Ngọc H, sinh ngày xx/xx/xxxx, cả 02 con hiện sống cùng chị T. Xét yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H của chị T là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, do anh V đi biển nên không đảm bảo điều kiện về thời gian để có thể trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H và cháu cũng có nguyện vọng muốn sống cùng chị sau khi chị và anh V ly hôn; các tình tiết này hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử có căn cứ giao cháu H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, thực hiện từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, lao động được. Anh V được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở. Đối với con chung tên Đinh Nhật Q hiện đã trưởng thành và anh chị không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận chị T không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị T yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Thị Kim T. Chị Phan Thị Kim T được ly hôn với anh Đinh Thế V.

2. Về nuôi con chung:

- Giao cháu Đinh Ngọc H, sinh ngày xx/xx/xxxx cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng.
- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.
- Anh V được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở.
- Đối với con chung tên Đinh Nhật Q, sinh năm xxxx hiện đã trưởng thành.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị T phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0013617 ngày 30/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G nên xem như chị đã nộp xong án phí.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Chị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày anh nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TG;
- VKSND H.GCĐ;
- CC.THADS H.GCĐ;
- UBND phường TN, TP. VT, tỉnh BR;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

Nguyễn Bích Thiên

